TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 143/2019/QĐST-HNGĐ	*Tánh Linh, ngày 29 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 258/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Lê Sĩ K, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện TL, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1987 và bị đơn Anh Lê Sĩ K, sinh năm 1987.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao cho chị Phạm Thị N có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Lê Phạm Quỳnh A, sinh ngày 25/3/2013 cho đến khi thành niên. Anh Lê Sĩ K được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản. Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Anh Lê Sĩ K phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Phạm Thị N là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con thành niên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Phạm Thị N phải nộp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0026932 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TL. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã Đức Thuận;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Bình